

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2219**/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **31** tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa
tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thông qua Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

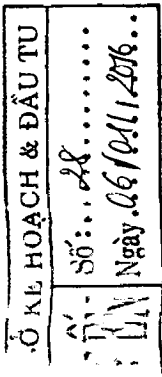
Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 310/TTr-KH&ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

Phát triển sự nghiệp văn hóa theo hướng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, gìn giữ, bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội, đảm bảo sự tăng trưởng liên tục, khắc phục về tình trạng chênh lệch mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân ở các vùng, miền, khu vực trong toàn tỉnh, gắn liền với bảo đảm an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.



Handwritten signature and initials: *K. - V. du*

2. Mục tiêu của Quy hoạch

a) Mục tiêu tổng thể

Xây dựng, phát triển sự nghiệp văn hóa của tỉnh Bắc Kạn tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn với mục tiêu phát triển con người, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, năng lực sáng tạo, tuân thủ pháp luật. Có ý thức cộng đồng, lối sống văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2015 - 2020:

+ Phấn đấu 90% đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố có trung tâm văn hóa - thể thao; 60% xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao; 90% thôn, bản, tổ phố có nhà văn hóa;

+ Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn có đội văn nghệ tuyên truyền, trong đó 70% đội văn nghệ tuyên truyền hoạt động thường xuyên, có hiệu quả;

+ Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận, xếp hạng 05 di tích cấp tỉnh, 02 di tích cấp quốc gia. Thực hiện tu bổ, tôn tạo 40% tổng số di tích cấp tỉnh, 70% di tích cấp quốc gia. Xây dựng 05 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể;

+ 100% số di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc được kiểm kê, phân loại;

+ Hệ thống thư viện phấn đấu phục vụ trên 200.000 lượt bạn đọc/năm;

+ Phấn đấu 100% số xã có tủ sách cơ sở;

+ Tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân 120 buổi/năm;

+ Tổ chức 2.000 buổi chiếu phim lưu động/năm;

+ Phấn đấu trên 85% hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa; trên 70% làng, bản, tổ dân phố được công nhận là làng, bản, tổ dân phố văn hóa; trên 90% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận là cơ quan đạt chuẩn văn hóa, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 20% số xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới. Cụ thể là có 22/110 xã có 100% thôn (làng, bản và tương đương) có nhà văn hóa - khu thể thao; trong đó 50% nhà văn hóa - khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 20% số phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

- Giai đoạn 2021 - 2030:

+ Phấn đấu 100% số đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố có trung tâm văn hóa - thể thao; 80% xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao; 100% thôn có nhà văn hóa;

+ Phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn có đội văn nghệ tuyên truyền hoạt động thường xuyên, có hiệu quả;

+ Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận, xếp hạng 10 di tích cấp tỉnh, 02 di tích cấp quốc gia. Thực hiện tu bổ, tôn tạo 70% tổng số di tích cấp tỉnh, 100% di tích cấp quốc gia. Xây dựng 05 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể;

- + Hệ thống thư viện phân đầu phục vụ trên 300.000 lượt bạn đọc/năm;
- + Duy trì 100% số xã có tủ sách cơ sở hoạt động thường xuyên;
- + Tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân 200 buổi/năm;
- + Tổ chức 2.000 buổi chiếu phim lưu động/năm;
- + Phân đầu trên 95% hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa; trên 80% làng, bản, tổ dân phố được công nhận là làng, bản, tổ dân phố văn hóa; trên 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận là cơ quan đạt chuẩn văn hóa, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; trên 50% số xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới. Cụ thể là có 55/110 xã có 100% thôn (làng, bản và tương đương) có nhà văn hóa - khu thể thao; trong đó 50% nhà văn hóa khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trên 50% số phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

3. Nội dung Quy hoạch

a) Di sản văn hóa, bảo tàng

- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể

+ Giai đoạn từ năm 2015 – 2020: Nghiên cứu, sưu tầm từ 4.000 đến 5.000 tài liệu, hiện vật. Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận, xếp hạng 05 di tích cấp tỉnh và 02 di tích cấp quốc gia. Tu bổ, tôn tạo từ 40% tổng số di tích cấp tỉnh, 70% di tích cấp quốc gia.

+ Giai đoạn từ năm 2021 – 2030: Xếp hạng 10 di tích cấp tỉnh và 02 di tích cấp quốc gia; tu bổ, tôn tạo 70% tổng số di tích cấp tỉnh, 100% di tích quốc gia.

- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể:

+ Giai đoạn từ năm 2015 – 2020: Xây dựng 05 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục cấp quốc gia. Xây dựng đề án thành lập Trung tâm Dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Giai đoạn từ năm 2021 – 2030: Xây dựng 05 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục cấp quốc gia. Xây dựng Trung tâm Dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể.

b) Nghệ thuật biểu diễn

- Hoạt động nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp:

+ Giai đoạn từ năm 2015 – 2020: KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐOÀN NGHỆ THUẬT DÂN TỘC TỈNH; xây dựng đề án nâng cấp Đoàn Nghệ thuật dân tộc trở thành Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc tỉnh. Trung bình mỗi năm xây dựng 02 chương trình nghệ thuật mới đảm bảo chất lượng nghệ thuật cao. Tổ chức 40 buổi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị /năm; 100 buổi biểu diễn phục vụ nhân dân/năm và 20 buổi biểu diễn doanh thu/năm.

+ Giai đoạn từ năm 2021 – 2030: Xây dựng trung bình mỗi năm 03 chương trình nghệ thuật mới; tổ chức 50 buổi biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị/năm, 200 buổi biểu diễn phục vụ nhân dân/năm và tổ chức 100 buổi biểu diễn doanh thu/năm.

- Hoạt động nghệ thuật không chuyên nghiệp:

+ Giai đoạn từ năm 2015 – 2020: 100% xã, phường, thị trấn có đội văn nghệ tuyên truyền, trong đó 70% đội văn nghệ tuyên truyền hoạt động thường xuyên, có hiệu quả;

+ Giai đoạn từ năm 2021 – 2030: 100% xã, phường, thị trấn có đội văn nghệ tuyên truyền hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

c) Điện ảnh, chiếu bóng

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020: Tổ chức 2.000 buổi chiếu lưu động/năm phục vụ nhân dân tại các thôn, tổ, xã, phường, thị trấn.

- Giai đoạn từ năm 2021 – 2030: Tổ chức 2.000 buổi chiếu lưu động/năm phục vụ nhân dân tại các thôn, tổ, xã, phường, thị trấn.

d) Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020: Xây dựng đề án thành lập Trung tâm Trưng bày, triển lãm văn hóa nghệ thuật cấp tỉnh. Tổ chức các cuộc thi, triển lãm tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh cấp tỉnh định kỳ 2 năm/lần.

- Giai đoạn từ năm 2021 – 2030: Xây dựng Trung tâm Trưng bày, triển lãm văn hóa nghệ thuật cấp tỉnh và đưa vào sử dụng.

e) Thư viện

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020:

+ Xây dựng bổ sung một số hạng mục như phòng kho, phòng đọc cho Thư viện tỉnh;

+ Phân đầu xây dựng 03 thư viện tuyến xã/năm, bổ sung 3.000 bản sách mới/năm, tổ chức luân chuyển sách 24 lượt/năm (bình quân 03 lượt/huyện, thành phố/năm); hệ thống thư viện phân đầu phục vụ trên 200.000 lượt/năm.

- Giai đoạn từ năm 2021 – 2030: Xây dựng 08 thư viện cấp huyện, thành phố đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Xây dựng 05 thư viện tuyến xã/năm, bổ sung 3.500 - 4.000 bản sách mới/năm, tổ chức luân chuyển sách 32 lượt/năm (bình quân 04 lượt/huyện, thành phố/năm); hệ thống thư viện phân đầu phục vụ trên 300.000 lượt/năm.

g) Quảng cáo, cổ động trực quan và tuyên truyền lưu động

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020:

+ Đổi mới, nâng cao hiệu quả phương thức hoạt động tuyên truyền của các đội thông tin tuyên truyền, đội chiếu bóng lưu động;

+ Xây dựng điểm các loại hình có trong Quy hoạch tuyên truyền, quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giai đoạn từ năm 2021 – 2030:

Trên cơ sở phát triển của tỉnh Bắc Kạn, có thể tiến hành thay thế các bảng tuyên truyền, quảng cáo đã thực hiện giai đoạn 2013 - 2020 bằng các công nghệ phù hợp hơn như hệ thống các bảng đèn LED hoặc công nghệ tiên tiến xuất hiện trong giai đoạn.

h) Xây dựng văn hóa cơ sở

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020:
 - + Phát hành Tạp chí xây dựng đời sống văn hóa cơ sở 1.500 bản/kỳ;
 - + Xây dựng từ 12 - 16 câu lạc bộ văn hóa - thể thao làng văn hóa/năm; 12 - 16 đội văn nghệ tuyên truyền cổ động cấp xã, phường, thị trấn/năm.
- Giai đoạn từ năm 2021 – 2030:
 - + Phát hành Tạp chí xây dựng đời sống văn hóa cơ sở 2.000 bản/kỳ;
 - + Xây dựng từ 16 - 24 câu lạc bộ văn hóa - thể thao làng văn hóa/năm; 16 - 24 đội văn nghệ tuyên truyền cổ động cấp xã, phường, thị trấn/năm.

i) Văn học nghệ thuật

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020:
 - + Tổ chức mỗi năm 02 - 03 trại sáng tác, đợt đi sáng tác thực tế ở các địa phương cho các hội viên, cộng tác viên;
 - + Phát hành Tạp chí Văn nghệ Ba Bể đạt 1.500 – 2.000 bản/kỳ.
- Giai đoạn từ năm 2021 – 2030:
 - + Tổ chức mỗi năm 03 - 04 trại sáng tác, đợt đi sáng tác thực tế ở các địa phương cho các hội viên, cộng tác viên;
 - + Phát hành Tạp chí Văn nghệ Ba Bể đạt 3.000 - 4.000 bản/kỳ. Tạp chí có trang thông tin điện tử phục vụ bạn đọc.

k) Quản lý dịch vụ văn hóa

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020: Triển khai các nội dung về Quy hoạch quảng cáo, tuyên truyền ngoài trời trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
- Giai đoạn từ năm 2021 - 2030: Từng bước áp dụng phương pháp, kỹ thuật hiện đại (về quản lý cơ sở dữ liệu, cấp phép kinh doanh, đánh giá tiêu chuẩn chất lượng...) trong hoạt động quản lý nhà nước về quảng cáo và quản lý các loại hình dịch vụ văn hóa.

l) Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020:
 - + Về tổ chức bộ máy, nhân sự và chức năng hoạt động: Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức, bổ sung nhân sự và chức năng hoạt động đối với trung tâm văn hóa - thể thao các cấp.

+ Về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất: Đầu tư xây dựng Bảo tàng tỉnh; hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa – Thể thao các huyện: Chợ Đồn, Na Rì, Bạch Thông, Ba Bể, Ngân Sơn, Pác Nặm, Chợ Mới.

- Giai đoạn từ năm 2021 – 2030:

+ Đầu tư nâng cấp cải tạo Nhà rạp Đoàn Nghệ thuật Dân tộc tỉnh thành Nhà hát ca múa nhạc dân tộc;

+ Xây dựng công trình rạp chiếu phim (xếp hạng quy mô loại III) theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Quyết định số 3181/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 9 năm 2014 về việc ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược và quy hoạch phát triển điện ảnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Xây dựng 01 Cung thiếu nhi tỉnh Bắc Kạn, 01 Nhà văn hóa lao động hoặc Cung Văn hóa lao động cấp tỉnh;

+ Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Bắc Kạn.

m) Phát triển nguồn nhân lực

- Giai đoạn từ năm 2015 – 2020: Đến năm 2020, có 80% cán bộ, công chức, viên chức cơ quan văn hóa cấp tỉnh đạt trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên; 80% cán bộ, công chức viên chức cơ quan văn hóa cấp huyện đạt trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên; 60% công chức văn hóa - xã hội đạt trình độ cao đẳng, đại học chuyên ngành trở lên.

- Giai đoạn từ năm 2021 - 2030: Có 90% số cán bộ, công chức, viên chức cơ quan văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện đạt trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên; 80% số công chức văn hóa - xã hội cấp xã đạt trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng trở lên.

4. Một số giải pháp chủ yếu

a) Về quản lý Nhà nước

- Từng bước tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa, cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức xã hội, giữa ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch với các ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, các doanh nghiệp để phát triển sự nghiệp văn hóa của tỉnh;

- Đưa mục tiêu Quy hoạch phát triển văn hóa vào nghị quyết của cấp ủy đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Thực hiện quản lý nhà nước thống nhất đối với các cơ sở công lập và ngoài công lập; phân công, phân cấp rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; tăng cường sự phối hợp liên ngành và giữa từng ngành với các địa phương trong chỉ đạo thực hiện chủ trương xã hội hóa.

b) Về cơ chế, chính sách

- Ban hành cơ chế, chính sách của tỉnh đối với ngành Văn hoá phù hợp với đặc thù hoạt động của ngành. Đảm bảo cơ cấu và tỉ lệ đầu tư hợp lý trong các hoạt động xã hội hoá đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giữa nhà nước và nhân dân; giữa tỉnh, huyện và cơ sở;

- Xây dựng quy chế, chế tài yêu cầu các nhà đầu tư xây dựng các khu đô thị mới phải triển khai đồng bộ xây dựng hạ tầng đảm bảo các thiết chế của văn hóa.

c) Về vốn đầu tư

- Huy động các nguồn vốn ngân sách từ trung ương, địa phương và các nguồn vốn xã hội hóa hợp pháp khác để đầu tư phát triển lĩnh vực văn hóa. Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở vật chất văn hóa, nghệ thuật;

- Tăng cường mức đầu tư cho văn hóa từ nguồn ngân sách của trung ương và địa phương để nâng cao vai trò chủ đạo, nòng cốt của đơn vị văn hóa nhà nước trong quá trình xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

d) Về quy hoạch xây dựng

- Khu vực đô thị: Đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất văn hóa đồng bộ, hiện đại cho khu vực địa bàn đô thị;

- Khu vực nông thôn: Trong quá trình thực hiện đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, chú trọng đầu tư xây dựng các công trình nhà văn hóa, thư viện, thiết chế trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, thôn, bản đồng bộ, đạt chuẩn nông thôn mới.

e) Về đất đai

Đảm bảo đầy đủ nguồn quỹ đất dành cho phát triển sự nghiệp văn hóa từ nay cho đến năm 2030 theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải phóng mặt bằng, phân bổ quỹ đất ở các vị trí thuận lợi cho hoạt động văn hóa và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

g) Về nguồn nhân lực

- Thực hiện công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức theo từng giai đoạn; căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng được giao, các đơn vị căn cứ điều kiện hoạt động cụ thể xây dựng quy hoạch nguồn cán bộ quản lý và chuyên môn dài hạn. Từng bước cân đối cơ cấu nguồn lực cán bộ (về tuổi, giới tính, thành phần dân tộc, địa bàn công tác...);

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các đơn vị của ngành với các trung tâm đào tạo, viện nghiên cứu, các trường đại học để đào tạo về các lĩnh vực: Điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, thư viện, bảo tàng, mỹ thuật, nhiếp ảnh...

h) Giải pháp về xã hội hóa

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa các hoạt động văn hóa của Đảng và Nhà nước.

i) Giải pháp bảo vệ môi trường, bảo tồn các di sản văn hóa

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân, các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ môi trường trong lĩnh vực văn hóa thông qua các phương tiện thông tin đại chúng;

- Nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho cán bộ, nhận thức của người dân tham gia sinh hoạt văn hoá tại các điểm dịch vụ văn hóa. Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ các khu vực khai thác khoáng sản, đảm bảo không ảnh hưởng tới các di tích danh lam thắng cảnh cần bảo vệ theo Luật Di sản văn hóa.

k) Liên kết phát triển văn hóa, thể thao và du lịch

- Lĩnh vực văn hóa phối hợp với lĩnh vực thể dục, thể thao và du lịch bảo tồn, phục hồi các trò chơi dân gian, lễ hội, nghề thủ công; đầu tư, khai thác các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với hoạt động kinh doanh phát triển du lịch; ứng dụng y dược dân gian vào phục vụ chăm sóc, phục hồi sức khỏe cho các vận động viên, khách du lịch;

- Thực hiện lồng ghép nội dung phát triển văn hóa, gia đình với phát triển văn hóa thể dục thể thao trong các hoạt động xây dựng phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, phong trào xây dựng gia đình văn hóa; xây dựng gia đình thể thao, gia đình khỏe; xây dựng làng văn hóa; xây dựng làng thể thao; xây dựng thiết chế trung tâm văn hóa - thể thao, khu thể thao, vui chơi giải trí...


5. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Có danh mục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện


1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quy hoạch này.

2. Các sở, ban, ngành chức năng liên quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố về các lĩnh vực chuyên môn do ngành mình phụ trách để thực hiện Quy hoạch này.

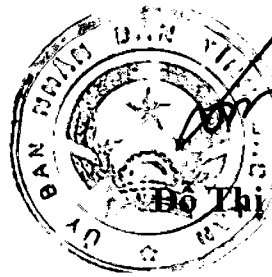
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ VH, TT & DL;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Huệ 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

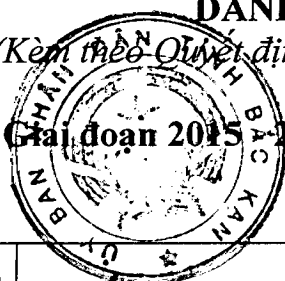


Bộ Thị Minh Hoa

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2219/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh)

1. Giai đoạn 2015 - 2020



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án	Nhu cầu đầu tư
1	Bảo tàng tỉnh	10.000
2	Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Chợ Đồn	10.000
3	Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Chợ Mới	10.000
4	Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Ngân Sơn	10.000
5	Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Na Rì	10.000
6	Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Bạch Thông	10.000
7	Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Pác Nặm	10.000
8	Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Ba Bể	10.000
9	Hoàn thiện các khu di tích ATK	10.000
10	Đầu tư thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em huyện Chợ Đồn	500
11	Đầu tư thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em huyện Pác Nặm	500
12	Đầu tư thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em huyện Bạch Thông	500

2. Giai đoạn 2021 - 2030:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án	Nhu cầu đầu tư
1	Đầu tư nâng cấp cải tạo Nhà rạp Đoàn Nghệ thuật Dân tộc tỉnh thành Nhà hát ca múa nhạc dân tộc	100.000
2	Xây dựng Rạp chiếu phim (loại III)	30.000
3	Xây dựng Trung tâm dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể.	10.000
4	Xây dựng 01 Cung thiếu nhi tỉnh Bắc Kạn	30.000
5	Xây dựng 01 Nhà văn hóa lao động hoặc Cung Văn hóa lao động cấp tỉnh.	30.000
6	Xây dựng Trung tâm trung bày, triển lãm VHNT cấp tỉnh	50.000
7	Hoàn thiện, xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Bắc Kạn	10.000
8	Xây dựng 08 thư viện huyện, thành phố đạt chuẩn	80.000
9	Đầu tư thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em huyện Ba Bể	500
10	Đầu tư thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em huyện Ngân Sơn	500
11	Đầu tư thiết bị vui chơi giải trí cho trẻ em huyện Chợ Mới	500

